

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP SƠN DƯƠNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Hà Nội, Tháng 2 năm 2021

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
THÔNG TIN CHUNG	2
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 22

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP SƠN DƯƠNG

Tổ nhân dân Đăng Châu, Thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Lâm nghiệp Sơn Dương trước đây là Công ty TNHH Một thành viên được thành lập theo Quyết định số 175/QĐ-CT ngày 09 tháng 03 năm 2012 của Chủ tịch UBND Tỉnh Tuyên Quang. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hai thành viên trở lên số 5000128048 cấp lần đầu ngày 23 tháng 4 năm 2012 và đăng ký thay đổi lần ba ngày 05 tháng 11 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang cấp

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là 33.000.000.000 đồng (Ba mươi ba tỷ đồng chẵn)

Trụ sở chính của Công ty tại tổ nhân dân Đăng Châu, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Hồng Thái	Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty
	Ông Nguyễn Tiến Khanh	Phó Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Hồng Thái – Phó Giám đốc Công ty.

ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Đại Việt đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2020 cho Công ty.

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP SƠN DƯƠNG

Tổ nhân dân Đăng Châu, Thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Lâm nghiệp Sơn Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau.

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 05 đến trang 22. Các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Lâm nghiệp Sơn Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Hồng Thái

Chủ tịch Công ty

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 3 năm 2021

Số : 008.2/2021/BCKT-TC-DAIVIET

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Ban Giám đốc của Công ty TNHH Lâm nghiệp Sơn Dương**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Lâm nghiệp Sơn Dương, được lập ngày 01 tháng 3 năm 2021, từ trang 05 đến trang 23 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Lâm nghiệp Sơn Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Bùi Thị Tinh****Chủ tịch Hội đồng thành viên***Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán*

Số: 1027-2018-296-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ĐẠI VIỆT

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2021

**Lê Văn Hiệp****Kiểm toán viên***Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán*

Số: 5001-2019-296-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		34.979.907.126	26.437.782.277
I- Tiền và các khoản tương đương ti	110	V.1	6.476.825.851	311.975.985
1. Tiền	111		2.476.825.851	311.975.985
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	-
II- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.008.058.772	4.084.294.708
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	3.246.668.522	2.406.732.687
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1.761.390.250	1.677.562.021
III- Hàng tồn kho	140	V.5	23.495.022.503	22.041.511.584
1. Hàng tồn kho	141		23.495.022.503	22.041.511.584
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.341.700.377	6.551.641.677
I- Tài sản cố định	220		5.945.450.217	6.136.051.174
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	5.945.450.217	6.136.051.174
- Nguyên giá	222		8.743.740.456	8.529.371.024
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.798.290.239)	(2.393.319.850)
II- Đầu tư tài chính dài hạn	250		131.626.766	131.626.766
1. Đầu tư dài hạn khác	253		131.626.766	131.626.766
III- Tài sản dài hạn khác	260		264.623.394	283.963.737
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.3	264.623.394	283.963.737
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		41.321.607.503	32.989.423.954

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		7.162.919.577	7.621.516.408
I- Nợ ngắn hạn	310		4.682.919.577	5.141.516.408
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7	721.647.000	2.486.455.100
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		590.726.200	1.098.312.700
2. Thuế và các khoản phải nộp NN	313	V.8	275.133.786	50.403.586
3. Phải trả người lao động	314		1.938.941.993	1.004.871.431
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.9	1.225.234.420	49.284.000
5. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		(68.763.822)	452.189.591
II- Nợ dài hạn	330		2.480.000.000	2.480.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10	2.480.000.000	2.480.000.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		34.158.687.926	25.367.907.546
I- Vốn chủ sở hữu	410	V.11	34.158.687.926	25.367.907.546
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		33.000.000.000	24.587.261.492
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu				
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		617.907.546	780.646.054
3. LNST chưa phân phối	421		540.780.380	-
LNST cuối năm trước	421a		-	(899.676.463)
LNST chưa phân phối năm nay	421b		540.780.380	899.676.463
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		41.321.607.503	32.989.423.954


Nguyễn Thị Khánh Vân
Người lập biểu


Nguyễn Trung Thành
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Thái
Chủ tịch Công ty
Tuyên Quang, ngày 01 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	19.670.516.208	25.078.629.275
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		19.670.516.208	25.078.629.275
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	14.567.354.732	20.787.832.084
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.103.161.476	4.290.797.191
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.104.783	1.153.787
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	90.148.767	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		90.148.767	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	3.551.079.543	3.172.458.443
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.465.037.949	1.119.492.535
11. Thu nhập khác	31	VI.4	477.477.211	277.509.792
12. Chi phí khác	32	VI.4	1.129.782.658	272.345.975
13. Lợi nhuận khác	40		(652.305.447)	5.163.817
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		812.732.502	1.124.656.352
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	271.952.122	225.016.155
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		540.780.380	899.640.197


Nguyễn Thị Khánh Vân
Người lập biểu


Nguyễn Trung Thành
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Thái
Chủ tịch Công ty
Tuyên Quang, ngày 01 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 Mẫu B 03-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	19.421.306.573	25.070.149.235
2. Tiền chi trả cho người cung cấp	02	(16.348.534.803)	(18.013.267.002)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(4.956.806.022)	(5.634.742.727)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(305.722.767)	(214.985.000)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(80.000.000)	(278.399.248)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	395.871.534	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.873.885.485)	928.755.258
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ	21	(214.369.432)	(911.900.000)
2. Tiền thu từ thanh lý TSCĐ	22	-	175.454.545
3. Thu tiền lãi gửi ngân hàng	27	3.104.783	1.153.787
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(211.264.649)	(735.291.668)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp c	31	8.250.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	8.250.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	6.164.849.866	193.463.590
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	311.975.985	118.512.395
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6.476.825.851	311.975.985

Nguyễn Thị Khánh Vân
Người lập biểu

Nguyễn Trung Thành
Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Thái
Chủ tịch Công ty
Tuyên Quang, ngày 01 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Lâm nghiệp Sơn Dương trước đây là Công ty TNHH Một thành viên được thành lập theo Quyết định số 175/QĐ-CT ngày 09 tháng 03 năm 2012 của Chủ tịch UBND Tỉnh Tuyên Quang. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hai thành viên trở lên số 5000128048 cấp lần đầu ngày 23 tháng 4 năm 2012 và đăng ký thay đổi lần ba ngày 05 tháng 11 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang cấp

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là 33.000.000.000 đồng (Ba mươi ba tỷ đồng chẵn)

Trụ sở chính của Công ty tại tổ nhân dân Đảng Châu, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang.

2. Lĩnh vực kinh doanh.

- ✓ Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- ✓ Ươm giống cây lâm nghiệp;
- ✓ Khai thác gỗ có nguồn gốc hợp pháp;
- ✓ Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp;
- ✓ Buôn bán tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến có nguồn gốc hợp pháp (trừ các loại gỗ nhà nước cấm).

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất kinh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá mười hai tháng.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.**5. Cấu trúc doanh nghiệp****5.1. Công ty hoạt động duy nhất tại trụ sở chính,****6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính.**

Các thông tin và số liệu kế toán trong năm tài chính 2020 được trình bày mang tính so sánh.

7. Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 60 người.**II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.****1. Kỳ kế toán năm.**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.**1. Chế độ kế toán áp dụng.**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh có liên quan và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính năm trước

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán.

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG.**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho;
- Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm, trạng thái hiện tại.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho;
- Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.
- Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho;
- Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng theo quy định tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau.

Tài sản cố định hữu hình**Thời gian sử dụng**

Nhà cửa, vật kiến trúc

6 - 25 năm

Máy móc, thiết bị

6 - 15 năm

Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn

6 - 10 năm

Thiết bị văn phòng

5 năm

5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước.

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

Chi phí khác

Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước.

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Các khoản nợ có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn, các khoản nợ có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính.

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu vốn khác của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nguồn vốn kinh doanh do thành viên của Công ty góp vốn, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:**

- Doanh thu bán hàng;

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau.

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

- Doanh thu hoạt động tài chính;

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

- Doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, thu cổ tức

- Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, Cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".
- Doanh thu từ việc thu cổ tức được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức, căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng cổ đông, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

- Thu nhập khác.

Thu nhập khác quy định trong chuẩn mực này bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước;
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại;
- ...
- Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

12. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hoá đơn lần cuối cùng.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính.

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh là các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế Giá trị gia tăng, thuế TNDN.

- Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)
- Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.
- Thuế khác
- Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.
-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	47.881.925	130.426.488
Tiền gửi ngân hàng	2.428.943.926	181.549.497
Các khoản tương đương tiền	4.000.000.000	-
Cộng	6.476.825.851	311.975.985

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	3.246.668.522	2.406.732.687
Nguyễn Văn Phong	910.742.440	-
Công ty TNHH Thịnh Hiền Tuyên Quang	559.757.500	-
Vũ Văn Thịnh	275.329.966	-
Phạm Thị Tuyền	234.318.320	-
Công ty TNHH SX và TM Vĩnh Kiên	150.345.950	-
Công ty TNHH Sao Việt Tuyên Quang	-	2.252.255.740
Công ty TNHH MTV LN Chiêm Hóa	-	107.421.600
Chi nhánh VIETTEL Tuyên Quang	-	38.400.000
Triệu Kim Châu	-	8.655.347
Khác	1.116.174.346	-
Cộng	3.246.668.522	2.406.732.687

3. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

<i>Chi tiết theo đối tượng</i>	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
b) Dài hạn		
Chi phí trả trước dài hạn khác		
- Chi phí dụng cụ chờ phân bổ	264.623.394	283.963.737
Cộng	264.623.394	283.963.737

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SƠN DƯƠNG

Thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

4. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a) Ngắn hạn	1.761.390.250	-	1.677.562.021	-
- Tạm ứng	1.478.327.200	-	1.639.209.358	-
- Phải thu khác.	283.063.050	-	38.352.663	-
+ Khác	283.063.050	-	38.352.663	-
Cộng	1.761.390.250	-	1.677.562.021	-

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	116.898.400	-	167.941.800	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	23.378.124.103	-	21.873.569.784	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	23.495.022.503	-	22.041.511.584	-



CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SƠN DƯƠNG

Thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư 01/01/2020	7.496.252.774	65.868.250	911.900.000	55.350.000	8.529.371.024
Tăng trong năm	214.369.432	-	-	-	214.369.432
Mua trong năm	214.369.432				214.369.432
Số dư 31/12/2020	7.710.622.206	65.868.250	911.900.000	55.350.000	8.743.740.456
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư 01/01/2020	2.241.356.100	39.620.000	56.993.750	55.350.000	2.393.319.850
Tăng trong năm	141.666.349	2.187.354	261.116.686	-	404.970.389
Khấu hao trong năm	141.666.349	2.187.354	261.116.686		404.970.389
Số dư 31/12/2020	2.383.022.449	41.807.354	318.110.436	55.350.000	2.798.290.239
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2020	5.254.896.674	26.248.250	854.906.250	-	6.136.051.174
Tại ngày 31/12/2020	5.327.599.757	24.060.896	593.789.564	-	5.945.450.217

7. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SƠN DƯƠNG

Thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2019	24.587.261.492	780.646.054	-	25.367.907.546
Lãi năm trước				899.640.197
Phân phối lợi nhuận	-		899.640.197	(899.640.197)
Số dư tại 31/12/2019	24.587.261.492	780.646.054	-	25.367.907.546
Số dư tại 01/01/2020	24.587.261.492	780.646.054	-	25.367.907.546
Tăng vốn trong năm nay	162.738.508	(162.738.508)	-	-
Lãi trong năm nay	-		540.780.380	540.780.380
Góp vốn năm nay	8.250.000.000		-	8.250.000.000
Số dư tại 31/12/2020	33.000.000.000	617.907.546	540.780.380	34.158.687.926

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu.

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	24.750.000.000	24.587.261.492
Vốn góp của các đối tượng khác	8.250.000.000	
Cộng	33.000.000.000	24.587.261.492

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	24.587.261.492	24.587.261.492
Vốn góp tăng trong năm	8.412.738.508	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	33.000.000.000	24.587.261.492

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
a) Doanh thu	19.670.516.208	25.078.629.275
Doanh thu bán hàng	19.670.516.208	25.078.629.275
Cộng	19.670.516.208	25.078.629.275

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của hàng đã bán	14.567.354.732	20.787.832.084
Cộng	14.567.354.732	20.787.832.084

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.104.783	1.153.787
Cộng	3.104.783	1.153.787

4. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	90.148.767	-
Cộng	90.148.767	-

5. CHI PHÍ KHÁC - THU NHẬP KHÁC

Thu nhập khác	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;		175.454.546
Bồi thường bảo hiểm	100.000.000	
Các khoản khác	377.477.211	102.055.246
Cộng	477.477.211	277.509.792

Chi phí khác	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ		266.620.550
Khác	1.129.782.658	5.725.425
Cộng	1.129.782.658	272.345.975

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

6. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
<i>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>	3.551.079.543	3.172.458.443
Chi phí nhân viên	1.821.297.548	1.898.968.295
Chi phí dụng cụ đồ dùng	109.911.252	125.036.280
Chi phí Khấu hao TSCĐ	315.551.601	237.250.006
Thuế, phí và lệ phí	481.122.009	245.025.213
Chi phí dịch vụ mua ngoài	153.475.870	201.301.374
Chi phí bằng tiền khác	669.721.263	464.877.275
Cộng	3.551.079.543	3.172.458.443

7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN trong năm bao gồm:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	271.952.122	225.016.155
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	271.952.122	225.016.155

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trên kết quả kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác nhau và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là bảng đối chiếu giữa lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	812.732.502	1.124.656.352
+ Các khoản điều chỉnh tăng	1.129.782.658	424.425
<i>Chi khác</i>	1.129.782.658	424.425
Tổng thu nhập chịu thuế	1.942.515.160	1.125.080.777
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	388.503.032	225.016.155
Miễn giảm	(116.550.910)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	271.952.122	225.016.155

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

8. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.463.954.723	1.829.044.962
Chi phí nhân công	5.890.876.584	5.557.968.076
Chi phí khấu hao tài sản cố định	404.970.389	(119.031.714)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	338.747.190	282.802.550
Chi phí khác bằng tiền	2.330.212.297	2.199.029.964
Cộng	10.428.761.183	9.749.813.838

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 “Dự phòng, Tài sản và Nợ tiềm tàng”.

2. TÀI SẢN TIỀM TÀNG

Công ty đã thận trọng nhận định rằng không tồn tại các sự kiện không có trong kế hoạch hoặc chưa được dự tính, dẫn đến khả năng có thể thu được lợi ích kinh tế cho doanh nghiệp để trình bày phần thuyết minh Báo cáo tài chính là một tài sản tiềm tàng theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 “Dự phòng, Tài sản và Nợ tiềm tàng”.

3. THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

4. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Qũy lương của Ban Giám đốc phát sinh năm 2020 là 376.282.500 đồng.

5. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Công ty không phát sinh bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính năm nay.

Nguyễn Thị Khánh Vân
Người lập biểu

Nguyễn Trung Thành
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Thái
Chủ tịch Công ty
Tuyên Quang, ngày 01 tháng 3 năm 2021